

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: ~~494~~ /KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày 23 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung của Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của tỉnh Quảng Bình.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ triển khai chương trình phải đảm bảo tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương; thu hút sự tham gia các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan truyền thông, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện các mục tiêu, giải pháp của kế hoạch thực hiện theo đúng Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Mục tiêu

3.1 Mục tiêu chung

Cung cấp kịp thời những luận cứ khoa học, thực tiễn và giải pháp thúc đẩy thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 thông qua tập hợp nguồn lực khoa học và công nghệ đa ngành; góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn; nâng cao chất lượng đời sống của người dân; thúc đẩy liên kết và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. ✓

3.2 Mục tiêu cụ thể

- Ứng dụng công nghệ mới, các giải pháp khoa học đảm bảo tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 20%, đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; ít nhất 75% mô hình được triển khai trong Chương trình được tiếp tục duy trì và nhân rộng.

- Tối thiểu 80% mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn được triển khai trong Chương trình có sự liên kết theo chuỗi giá trị và hợp tác công tư.

- Tối thiểu 30% mô hình triển khai thuộc Chương trình được thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn, các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, góp phần đẩy nhanh tiến độ đạt được các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Tối thiểu 30% sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ. Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sở hữu công nghiệp, giống cây trồng) tăng trung bình 20% - 25%/5 năm so với giai đoạn 2016 - 2020.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, đảm bảo đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với từng nhóm xã phấn đấu đạt chuẩn: nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm tăng hiệu quả đầu tư, đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

- Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách đổi mới để thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân làm khoa học và công nghệ phát huy tối đa tính sáng tạo, chủ động, tinh thần trách nhiệm đối với kết quả cuối cùng.

- Tiếp tục triển khai các chính sách, pháp luật về đất đai hướng tới bảo vệ môi trường; nghiên cứu chuyên đổi sử dụng đất hợp lý, ngăn chặn tình trạng suy thoái đất. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và khu dân cư nông thôn, hướng phát triển bền vững kết hợp tăng trưởng xanh. ✓

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân, chủ thể OCOP áp dụng khoa học và công nghệ, các máy móc trang thiết bị vào sản xuất, bảo quản, chế biến sau thu hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, công nghệ truy xuất nguồn gốc, các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, thực hành nông nghiệp tốt (GAP)... nhằm hình thành các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP.

- Nghiên cứu các giải pháp phát huy vai trò của chính quyền địa phương, nâng cao nhận thức của cán bộ, Đảng viên các cấp trong xây dựng nông thôn mới (đặc biệt là cấp cơ sở), xem đây là vấn đề chiến lược để xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Bình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn bền vững

2.1 Nghiên cứu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn

- Nghiên cứu phát triển và mở rộng vùng sản xuất hàng hóa tập trung kết hợp thực hiện thâm canh, sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất hiệu quả tạo năng suất chất lượng, có sức cạnh tranh cao, có thị trường tiêu thụ tốt; ưu tiên hỗ trợ phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP.

- Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa một cách đồng bộ trong các khâu sản xuất; trong đó chú trọng bảo quản, chế biến, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Đăng ký các nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu hàng hóa, có chứng nhận, truy xuất nguồn gốc cho nông sản.

- Nghiên cứu, ứng dụng nhanh công nghệ sinh học trong việc chọn, lai tạo và sản xuất kết hợp với nhập khẩu giống, chuyển giao công nghệ để sản xuất các loại giống sạch bệnh, có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực như (cây lấy gỗ, cao su, hồ tiêu, lúa, ngô, lạc, khoai lang, sắn, cây ăn quả, rau màu, gia súc, gia cầm, thủy hải sản...); hỗ trợ phát triển các trung tâm sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, tạo đột phá phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao về sản xuất giống.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vacxin phòng một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trong chăn nuôi, thủy sản (lở mồm long móng trên gia súc, bệnh tai xanh lợn, dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm, các bệnh trên tôm cá,...)

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn nhằm giảm ảnh hưởng đến môi trường; chuyển đổi cơ cấu

cây trồng và thời vụ cho phù hợp với quy luật diễn biến của thời tiết, khí hậu và thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp và người dân chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp, xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh lồng ghép với biện pháp thích ứng biến đổi khí hậu; áp dụng các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Phát triển các hệ thống chợ nông thôn nhằm tăng cường lưu chuyển hàng hóa, tạo thuận lợi trong mua bán, trao đổi nông sản. Quan tâm đầu tư hỗ trợ phát triển các sản phẩm thủ công, truyền thống như mắm, ruốc, bánh tráng, làm nón, mây tre, đan lát,...

- Thực hiện các giải pháp đào tạo đồng bộ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ để cập nhật kiến thức, nâng cao chất lượng về chuyên môn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (đặc biệt là công nghệ cao và chuyển đổi số trong nông nghiệp).

2.2 Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp xây dựng các xã đáp ứng an ninh nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững

- Nghiên cứu đề ra giải pháp nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đề phòng và khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông, bờ biển. Hàng năm, xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp; nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng các công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai; xây dựng các phương án thích ứng và chủ động trước mọi tình huống.

- Tranh thủ và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu xây mới, cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi phù hợp với quy hoạch xây dựng chung của xã, quy hoạch vùng huyện, tạo kết nối giữa các xã. Áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến, tưới tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính.

2.3 Nghiên cứu giải pháp xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù của vùng, miền

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa kiến trúc cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù của vùng miền và gắn với quá trình đô thị hóa.

- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong phát triển hạ tầng nông thôn bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh và đặc điểm văn hóa truyền thống ✓

ưu việt, tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”.

2.4 Nghiên cứu thực hiện các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng giáo dục, giải pháp chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cộng đồng: Ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh và trong các cơ sở giáo dục một cách đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh.

2.5 Bảo vệ môi trường nông thôn trong xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phòng ngừa các vi phạm về sử dụng đất gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và làm mất diện tích đất có giá trị đa dạng sinh học.

- Nghiên cứu, thực hiện đồng bộ các giải pháp để hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường, nhất là các hoạt động thu gom, tái chế và xử lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và khu dân cư nông thôn. Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường; gắn nội dung bảo vệ môi trường với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

2.6 Nghiên cứu các giải pháp phát triển hạ tầng thương mại, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, giải pháp tăng cường áp dụng các chứng nhận chất lượng trong sản xuất và thương mại nông sản

- Nghiên cứu ứng dụng trong xây mới, nâng cấp và phát triển hạ tầng vùng sản xuất, bao gồm cả hạ tầng sản xuất nông nghiệp và hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ sơ chế, chế biến, bảo quản và thương mại nông thôn.

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư, phát triển hạ tầng các cụm công nghiệp, làng nghề; hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống điện, nước sạch, bưu điện, nhà văn hóa, các cơ sở y tế, giáo dục, khu vui chơi, giải trí,...đạt chuẩn nhằm nâng chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn.

3. Xây dựng các mô hình nông thôn mới trên cơ sở ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế, xã hội

Xây dựng, đề xuất, phối hợp thực hiện các dự án, mô hình trong xây dựng nông thôn mới, trong đó ưu tiên mô hình với các nội dung sau:

- Mô hình hợp tác, liên kết ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghiệp chính xác, vật liệu mới, vật liệu thân thiện môi trường; ứng,

dụng cơ giới hóa đồng bộ và hiện đại hóa công tác thủy lợi để phát triển sản xuất, sơ chế và chế biến nông sản theo hướng an toàn, hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo kết hợp với cơ giới hóa trong sản xuất, thương mại nông lâm thủy sản và quản trị nông thôn. Ưu tiên xây dựng mô hình sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa hàng hóa gắn với liên kết chuỗi giá trị sản phẩm (cây công nghiệp, lúa, rau màu, trâu, bò, dê, lợn, gia cầm, thủy sản...) đạt tiêu chuẩn GAP phục vụ xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Mô hình làng sinh thái, làng thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo đảm phát triển nông thôn bền vững.

- Mô hình xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn.

- Mô hình xã hội hóa, mô hình hợp tác công tư trong đầu tư, quản lý, khai thác công trình hạ tầng nông thôn và bảo vệ môi trường. Trong đó, tập trung đề xuất các mô hình ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong xử lý nước thải, chất thải trong chăn nuôi, giết mổ và nuôi trồng thủy sản.

Nội dung phát triển khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới cần được thực hiện song hành cùng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 2021-2025; cần ưu tiên cho những mô hình cơ cấu lại nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, ổn định đời sống dân cư.

4. Thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới

Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội:

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phát huy hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng và ứng dụng công nghệ thông tin để các tầng lớp nhân dân nắm bắt được các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển sản xuất và đời sống, góp phần xây dựng nông thôn mới. ✓

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, tập quán sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp: Giới thiệu các thành tựu khoa học công nghệ giải pháp mới giúp giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; công nghệ tự động hóa; và các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tuần hoàn,...

- Thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới, phổ biến nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ đạt hiệu quả cao trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, bảo vệ môi trường, việc làm nông thôn,... thông qua các buổi hội nghị, tọa đàm, các phương tiện truyền thông, các hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội nhằm thay đổi nhận thức của người dân trong phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới và thay đổi nhận thức cho người tiêu dùng về sử dụng các sản phẩm đạt các tiêu chuẩn chất lượng.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn kinh phí chủ yếu được bố trí từ ngân sách Trung ương, đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án,... và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định pháp luật.

2. Cơ chế tài chính

Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch; tham mưu tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết, kịp thời đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch đã đề ra; thực hiện thành công Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030. Trong đó, ưu tiên tập trung thực hiện tại các xã đang xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ khoa học công nghệ đặc thù phù hợp với Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới tại tỉnh; chuyên giao kết quả nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao cho các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các chương trình, dự án nhằm phổ biến, nhân rộng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; đề xuất các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh, hoàn thành mục tiêu Nghị quyết số 03-NQ/TU về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2030; Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP); phối hợp hỗ trợ các sản phẩm, hàng hóa cần truy xuất nguồn gốc để triển khai hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ (sở hữu công nghiệp, giống cây trồng), kiểm soát nguồn gốc và chất lượng; Triển khai các hoạt động phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa đồng bộ; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn ngân sách thực hiện Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trong kế hoạch hàng năm và giai đoạn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định của pháp luật; phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, hướng dẫn việc sử dụng nguồn vốn theo đúng quy định pháp luật.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 Quy định nội dung và mức hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp và xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. ✓

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp chủ lực của các địa phương.

6. Các Sở, Ban, ngành có liên quan

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị truyền thông tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công xây dựng kế hoạch thực hiện, lồng ghép thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ có liên quan tại Kế hoạch này.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng các nội dung Kế hoạch này thông qua các hội nghị, hội thảo để đông đảo người dân biết và hưởng ứng thực hiện; chỉ đạo các cấp hội và hội viên tích cực tham gia xây dựng các mô hình, dự án ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch tại địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Yêu cầu các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết phải kịp thời gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Bộ Khoa học và CN (b/c);
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Lâm